

Bản án số: 97/2021/HS-PT

Ngày: 18/02/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm

Bà Lê Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 998/2021/TLPT-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Hữu T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HSST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Hữu T, sinh năm 1977; Nơi ĐKKHKT: thôn L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Kinh doanh vận tải; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Nguyễn Thị H và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2020 đến ngày 10/12/2020 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 08 giờ ngày 10/7/2020, Nguyễn Hữu T làm nghề kinh doanh vận tải tuyến Lạng Sơn - Hà Nội và Trần Thị T, sinh năm 1984; HKTT: xã T,

huyện V, tỉnh Lạng Sơn (là người biết nghe, nói tiếng Trung Quốc) đang thuê phòng ở tại khách sạn A, đường N, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thì có người đàn ông nói tiếng Trung Quốc gọi điện thoại cho Trần Thị T qua Wechat nhờ Trần Thị T tìm thuê phòng cho người Trung Quốc ở tại tỉnh Bắc Ninh. Do Trần Thị T không biết chỗ nên hỏi Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu T gọi điện thoại hỏi bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1966, trú tại: phường Đ, thị xã T là chủ khách sạn Đ ở phường T, thị xã T, nơi Tuấn thường đưa khách đến ở và được trả lời còn phòng cho thuê. Trần Thị T gọi điện trả lời cho người đàn ông nhờ thuê phòng và hướng dẫn đường đi đến khách sạn A.

Khoảng 10h cùng ngày 10/7/2020, Lăng Văn K sinh năm 1986, HKTT: thôn L, xã H, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn là lái xe và Nguyễn Trần Tuấn P, sinh năm: 1989, HKTT: khu X, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ là chủ xe ô tô biển kiểm soát (BKS) 12B-000.91 chở 7 người Trung Quốc gồm: Huang Jin K, Fu Jie H, Chen Quan F, Li Jin F, Wang Mao S, Chen Ai B, Yang Pei S đến khách sạn APA gặp Nguyễn Hữu T và Trần Thị T. Sau đó Nguyễn Hữu T điều khiển xe ô tô BKS 30E -778.50, Trần Thị T điều khiển xe ô tô BKS 99A-180.90 đưa 07 người này đến khách sạn Đ thuê 03 phòng trong thời hạn 01 tháng với giá thỏa thuận 50 triệu đồng.

Chiều ngày 10/7/2020, Huang Jin K nhờ Trần Thị T trả tiền thuê khách sạn, tiền ăn, tiền mua đồ dùng sinh hoạt cá nhân, tiền mua máy tính và chuyển vào tài khoản của Thuý tại Trung Quốc 60.000 nhân dân tệ, quy đổi thành 180 triệu tiền Việt Nam đồng. Trần Thị T khai tổng số tiền mua đồ theo yêu cầu của Huang Jin K là 55.110.000 đồng; đưa cho Nguyễn Hữu T để trả tiền khách sạn Đ 50.000.000 đồng; chiều ngày 11/7/2020, Trần Thị T về nhà ở Lạng Sơn và chuyển trả số tiền còn lại cho Huang Jin K. Số tiền 50.000.000 đồng nhận từ Trần Thị T, Nguyễn Hữu T đã đưa cho bà Đ để trả tiền thuê phòng.

Ngày 13/7/2020, do thấy 07 người Trung Quốc không xuất trình được hộ chiếu, thị thực nhập cảnh nên bà Đ gọi điện nói cho Nguyễn Hữu T biết những người Trung Quốc này không có hộ chiếu, giấy tờ gì và yêu cầu Nguyễn Hữu T đến đón đi. Nguyễn Hữu T gọi điện thông báo cho Trần Thị T biết nhưng không nói lý do tại sao bà Đ không cho ở khách sạn Đ; Trần Thị T tiếp tục nhờ Nguyễn Hữu T giúp thuê chỗ khác. Tối ngày 13/7/2020, Nguyễn Hữu T điều khiển xe ô tô BKS 99A-082.21 đến khách sạn Đ đón và đưa 07 người Trung Quốc đến khách sạn A thuê 03 phòng cho 07 người Trung Quốc ở và gọi điện cho chị Nguyễn Thị Thanh T nhờ thuê một căn chung cư loại 02 phòng ngủ cho 07 người Trung Quốc ở, nếu chị Nguyễn Thị Thanh T tìm được nơi ở cho 07 người Trung Quốc thì

Nguyễn Hữu T cho 10 triệu đồng, nhưng không nói cho Nguyễn Thị Thanh T biết 07 người Trung Quốc không có hộ chiếu, thị thực. Chị Nguyễn Thị Thanh T gọi điện nhờ chị Nguyễn Thảo L nhờ tìm thuê được 01 căn hộ ở chung cư C, nhưng do chủ nhà thấy đông người thuê nên không đồng ý cho thuê nữa. Chị Nguyễn Thảo L tiếp tục vào mạng xã hội liên hệ với anh Nguyễn Hoàng M và hỏi thuê được căn nhà số Y đường N, phường V, thành phố Bắc Ninh của ông Nguyễn Văn L đang cho chị Trần Thị Xuân H thuê từ trước và chị H đồng ý cho thuê lại với giá 17.000.000đồng/ tháng. Khi chị L, anh M đưa Huang Jin K đến nhà số 210, đường N, phường V, thành phố Bắc Ninh thì chị Lan đưa cho Huang Jin K 30.000.000 đồng để trả tiền thuê nhà cho chị H.

Về số tiền 50.000.000 đồng nhận từ Trần Thị T thì Nguyễn Hữu T đã thanh toán tiền thuê Khách sạn Đ cho bà Đ 7.000.00 đồng; Huang Jin K giữ lại để trả tiền thuê nhà 30.000.000 đồng; còn lại 13.000.000 đồng Nguyễn Hữu T chiếm hưởng.

Khoảng 18h00' ngày 17/7/2020, tại nhà số Y, đường N, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, tổ công tác Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Bắc Ninh kiểm tra phát hiện 07 người Trung Quốc đang lưu trú không có hộ chiếu, thị thực nhập cảnh vào Việt Nam gồm: Huang Jin K, sinh ngày: 02/3/2000, chứng minh nhân dân (CMND) Trung Quốc số: 350524200003026033; Fu Jie H, sinh ngày: 15/11/1993, CMND Trung Quốc số: 350524199311157718; Chen Quan F, sinh ngày: 20/5/1993, CMND Trung Quốc số: 350524199305207715; Li Jin F, sinh ngày: 12/10/1999, CMND Trung Quốc số: 350524199910121039; Wang Mao S, sinh ngày: 15/9/2000, CMND Trung Quốc số: 350524200009155514; Chen Ai B, sinh ngày: 25/8/1968, CMND Trung Quốc số: 350524196808257753; Yang Pei S, sinh ngày: 29/5/2000, CMND Trung Quốc số: 350524200005296010, cùng có hộ khẩu thường trú: tỉnh P - Trung Quốc. Sau đó, đưa về khu cách ly tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc.

Nguyễn Hữu T đã khai nhận: Sau khi bà Đ từ chối không cho 07 người Trung Quốc thuê ở khách sạn Đ thì Nguyễn Hữu T biết rõ 07 người Trung Quốc không có hộ chiếu, thị thực nhập cảnh ở lại Việt Nam là vi phạm pháp luật, nhưng vì đang hợp tác làm ăn kinh doanh và có quan hệ tình cảm với Trần Thị T, đồng thời thiếu hiểu biết pháp luật nên Nguyễn Hữu T vẫn nhờ người tìm kiếm thuê chỗ ở cho những người này. Giữa Nguyễn Hữu T và Trần Thị T không thỏa thuận hoặc Nguyễn Hữu T đòi hỏi tiền công nhưng do khi thay đổi nơi thuê ở cho những người Trung Quốc thì có chênh lệch số tiền 13.000.000 đồng nên Nguyễn Hữu T giữ lại.

Tại cơ quan điều tra, Huang Jin K, Fu Jie H, Chen Quan F, Li Jin F, Wang

Mao S, Chen Ai B, Yang Pei S khai được 01 người Việt Nam nói tiếng Trung Quốc đưa đường nhập cảnh trái phép vào Việt Nam theo đường mòn từ tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc vào địa phận tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam sau đó được 01 người đàn ông không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ chở bằng xe mô tô đến bến xe tỉnh Lạng Sơn. Mục đích nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để đánh bạc và tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Ngoài ra còn khai sau khi lên xe ô tô của anh Nguyễn Trần Tuấn P mỗi người giao nộp 3.000 tệ cho 01 người đàn ông nhưng không rõ là ai.

Anh P và anh K khai không thu bất kỳ khoản tiền nào của 07 người Trung Quốc, tiền cước đi xe do 01 người không biết tên, tuổi, địa chỉ dẫn 07 người Trung Quốc ra xe trả để ở ghế phụ, ngoài 07 người Trung Quốc đón từ bến xe tỉnh Lạng Sơn đưa đến khách sạn APA thì dọc đường có bắt thêm 02 người khách lên xe chở đến khu công nghiệp Đ, huyện V, tỉnh Bắc Giang thì 02 người khách này xuống xe, anh P, anh K không biết 02 hành khách này tên, tuổi ở đâu.

Tại Công văn số 1081/PA08 ngày 06/8/2020 Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Bắc Ninh căn cứ Công văn số 2392 ngày 05/8/2020 của Phòng 6, Cục quản lý xuất, nhập cảnh Bộ Công an xác nhận: Huang Jin K nhập cảnh vào Việt Nam ngày 11/12/2019, xuất cảnh ngày 01/01/2020 tại sân bay quốc tế Đà Nẵng. Fu Jie H, Chen Quan F, Li Jin F, Wang Mao S, Chen Ai B, Yang Pei S không có thông tin nhập cảnh vào Việt Nam trên hệ thống quản lý xuất, nhập cảnh của Bộ Công an.

Do những người Trung Quốc đã bị trục xuất về nước, nên Cơ quan An Ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh chưa có cơ sở và điều kiện để xác minh làm rõ những người đã đưa dẫn 07 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, ai là người đã thu tiền như những người này khai.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Môi giới cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”.

Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 348; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2020 đến ngày 10/12/2020.

Phạt bổ sung Nguyễn Hữu T 10.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/4/2021, bị cáo Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình, đồng thời xin được hưởng án treo vì lúc đầu không biết hành vi của mình là hành vi phạm tội và thực hiện do có tình cảm riêng với người nhờ mình (Trần Thị T), không đòi hỏi thù lao. Hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình và đang trực tiếp nuôi dưỡng bố mẹ; chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật. Trong thời gian tại ngoại đã chấp hành xong phần hình phạt bổ sung, án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, xem xét giữ nguyên hình phạt và chấp nhận cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 29/4/2021, bị cáo Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh là trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin được hưởng án treo là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 342 BLHS nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản kiểm tra đối với 07 đối tượng người Trung Quốc và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng hơn 08h ngày 10/7/2020, chị Trần Thị T được 01 người đàn ông hiện chưa xác định rõ lý lịch gọi điện thoại nhờ thuê phòng ở tỉnh Bắc Ninh cho người Trung Quốc ở, chị Trần Thị T đã nhờ Nguyễn Hữu T thuê được 03 phòng ở khách sạn Đ ở phường T, thị xã T do bà Nguyễn Thị Đ làm chủ với giá 50 triệu đồng/ 1tháng. Khoảng 11 giờ cùng ngày 10/7/2020 anh Lăng Văn K là lái xe, anh Nguyễn Trần Tuấn P là chủ xe ô tô BKS 12B-000.91 chở Huang Jin K, Fu Jie H, Chen Quan F, Li Jin F, Wang Mao S, Chen Ai B, Yang Pei S là những người có quốc tịch Trung Quốc đến khách sạn A gặp Nguyễn Hữu T và chị Trần Thị T. Sau đó, Nguyễn Hữu

T và Trần Thị T đã đưa 07 người Trung Quốc nói trên đến nhận và thuê phòng tại khách sạn Đ. Do bà Nguyễn Thị Đ nhiều lần yêu cầu Nguyễn Hữu T và 07 người Trung Quốc xuất trình hộ chiếu, thị thực nhập cảnh vào Việt Nam để làm thủ tục khai báo lưu trú nhưng Nguyễn Hữu T và 07 người Trung Quốc không xuất trình được. Vì vậy, bà không cho những người này ở lại khách sạn và yêu cầu rời đi.

Từ ngày 13/7/2020, Nguyễn Hữu T đã biết rõ Huang Jin K, Fu Jie H, Chen Quan F, Li Jin F, Wang Mao S, Chen Ai B, Yang Pei S nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nhưng vì quan hệ làm ăn và tình cảm với chị Trần Thị T nên Nguyễn Hữu T đã đưa Huang Jin K, Fu Jie H, Chen Quan F, Li Jin F, Wang Mao S, Chen Ai B, Yang Pei S về khách sạn A thuê phòng ngủ qua đêm 13/7/2020. Sau đó, Nguyễn Hữu T nhờ chị Nguyễn Thị Thanh T tìm thuê căn chung cư C và nhà số Y, đường N, phường V, thành phố Bắc Ninh cho 07 người Trung Quốc này ở trái phép từ ngày 14/7/2020 đến khoảng 18h ngày 17/7/2020 thì bị Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Bắc Ninh kiểm tra phát hiện đưa đi cách ly sau đó trực xuất về nước. Nguyễn Hữu T hưởng lợi 13 triệu đồng trong việc môi giới cho 07 người Trung Quốc ở lại Việt Nam trái phép.

[2.2] Hành vi môi giới cho 07 người Trung Quốc ở lại Việt Nam trái phép của bị cáo Nguyễn Hữu T đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính về xuất, nhập cảnh và pháp luật của Nhà nước về việc quản lý người nước ngoài nhập cảnh vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Môi giới cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” theo điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[2.3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Hữu T không phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử Nguyễn Hữu T đều thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; thời gian tại ngoại bị cáo có công giúp đỡ công an huyện L, tỉnh Hà Nam trong việc đấu tranh, phòng chống tội phạm, có công văn của Công an huyện L gửi Tòa án tỉnh Bắc Ninh; bị cáo có quá trình phục vụ trong quân ngũ; bố bị cáo được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; ông nội bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; bị cáo đã nộp 13 triệu đồng tiền hưởng lợi. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 để giảm nhẹ và áp dụng Điều 54 BLHS phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã có xem xét cho bị cáo.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã được khắc phục, những người nước ngoài đã bị trục xuất ngay sau đó. Đồng thời, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do

tình cảm chi phối, không đòi hỏi tiền công và không hứa hẹn trước; số tiền bị cáo chiếm hưởng phát sinh trong quá trình giao dịch thuê nhà. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm đơn có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính, đang nuôi bố mẹ già; Công văn của Công an phường H, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xác nhận về việc bị cáo có công trong việc phát hiện tội phạm; Biên lai thu tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm 10.200.000 đồng thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Do đó có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Tuyên bố: Nguyễn Hữu T phạm tội “Môi giới cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, 54 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Hữu T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo đã nộp 10.000.000 (Mười triệu) đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 0000293 ngày 17/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND thị trấn L;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Sỹ Hưng

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA

Lê Thị Mai

Thái Duy Nhiệm

Hồ Sỹ Hưng

